



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Phát hành sách Thái Nguyên

Ngày 30/06/2025	18,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.3%	153.5	119.5

DT thuần Q2/25
14.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.47 86.2%
YoY: ▲ 9.06 184%

LN thuần Q2/25
1.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.75 8773%
YoY: ▲ 1.59 886%

LN sau thuế Q2/25
1.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.40 3492%
YoY: ▲ 0.78 118%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
14.3%
YoY: +/- ▲ 13.5%

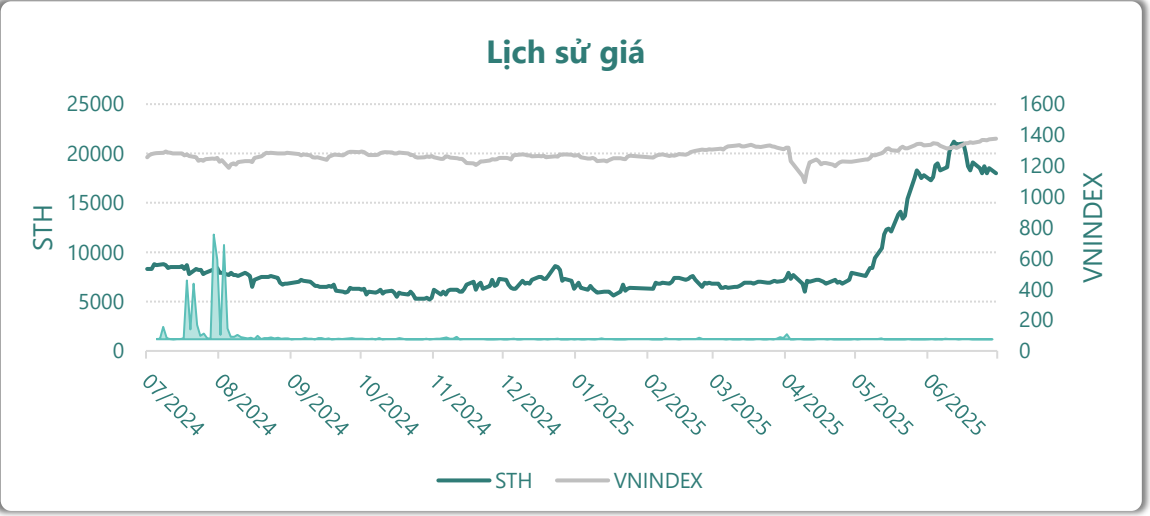
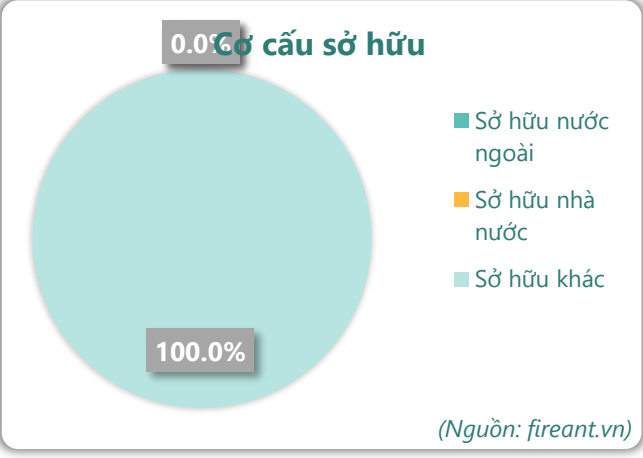
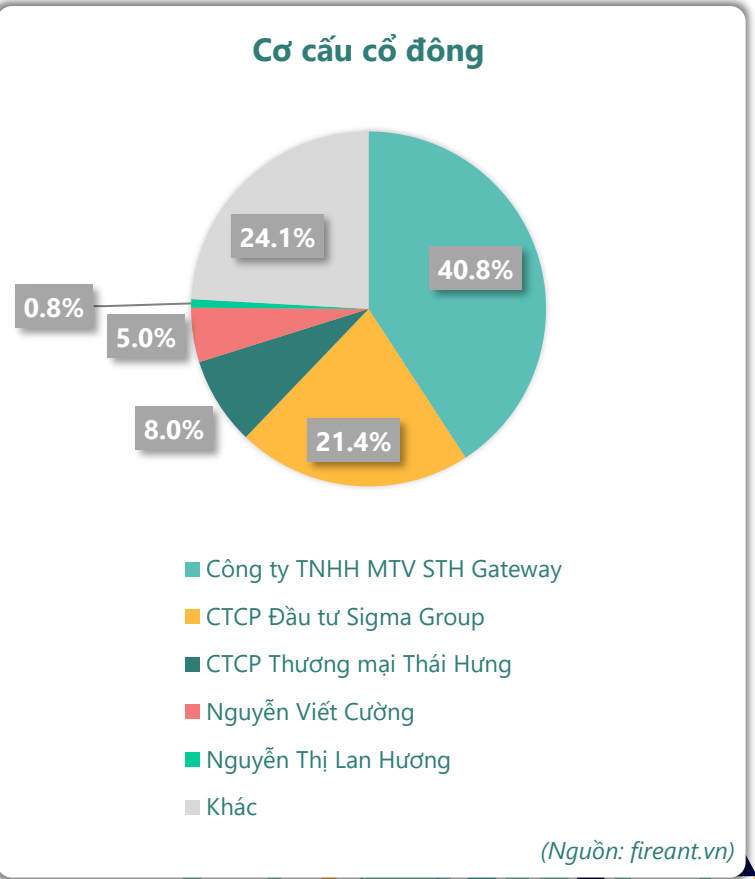
ROE (TTM) Q2/25
0.8%
YoY: +/- ▲ 0.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 21,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	351
Số lượng CPLH (CP)	19,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	744,805
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.45
EPS	78
P/E	230.5

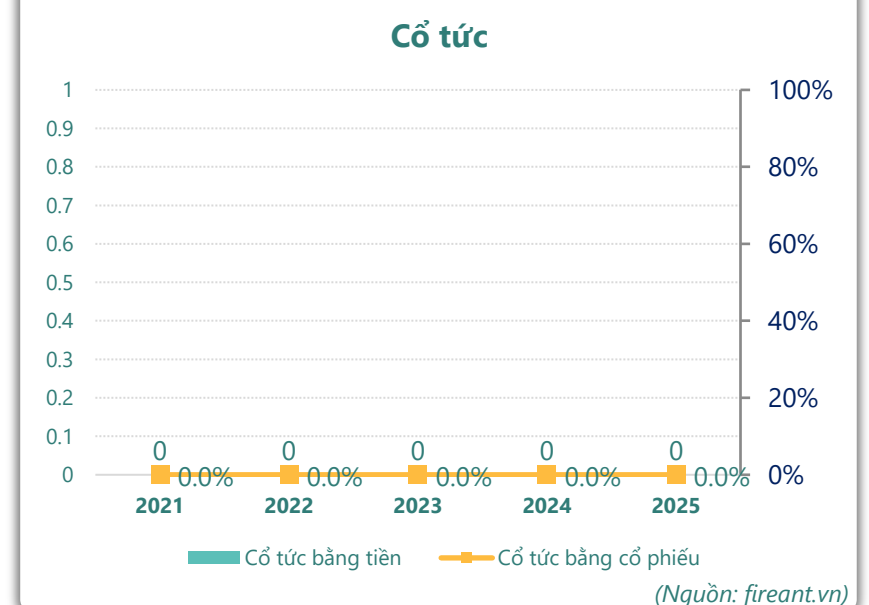
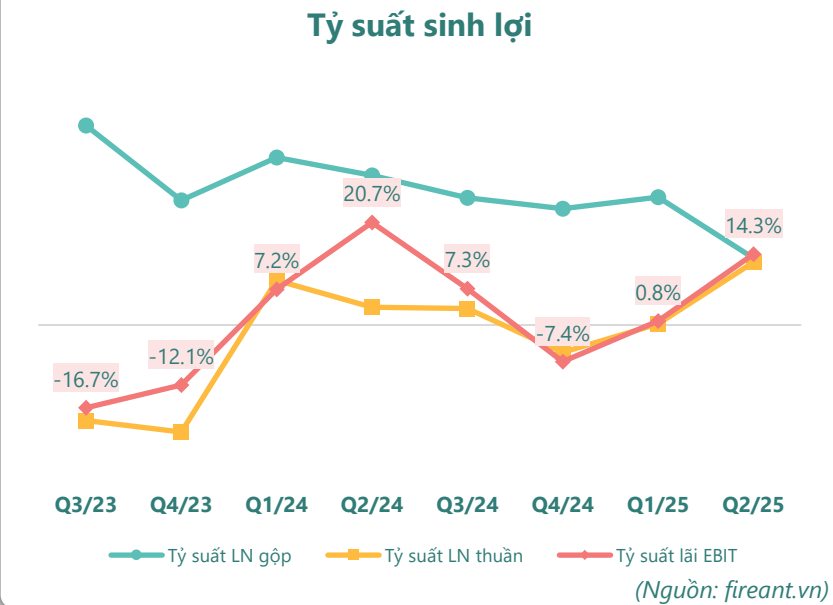
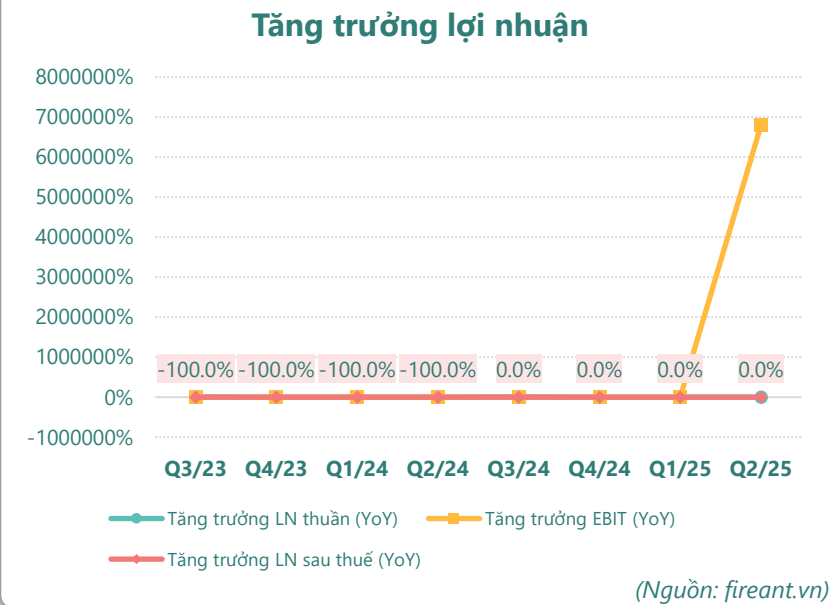
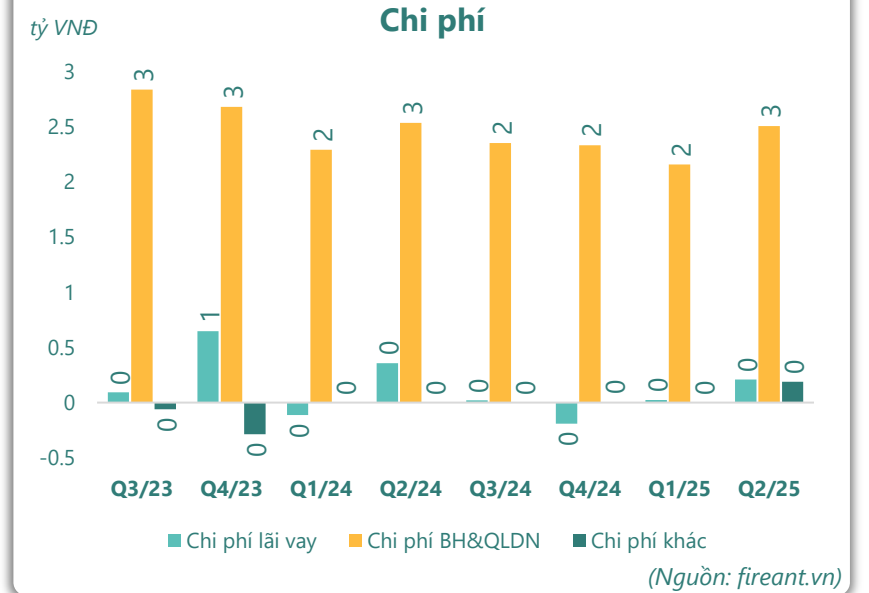
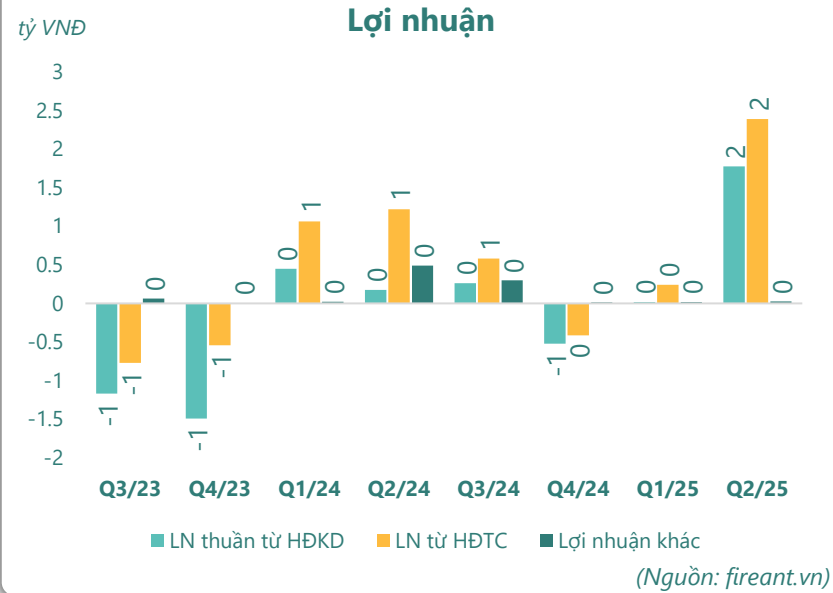
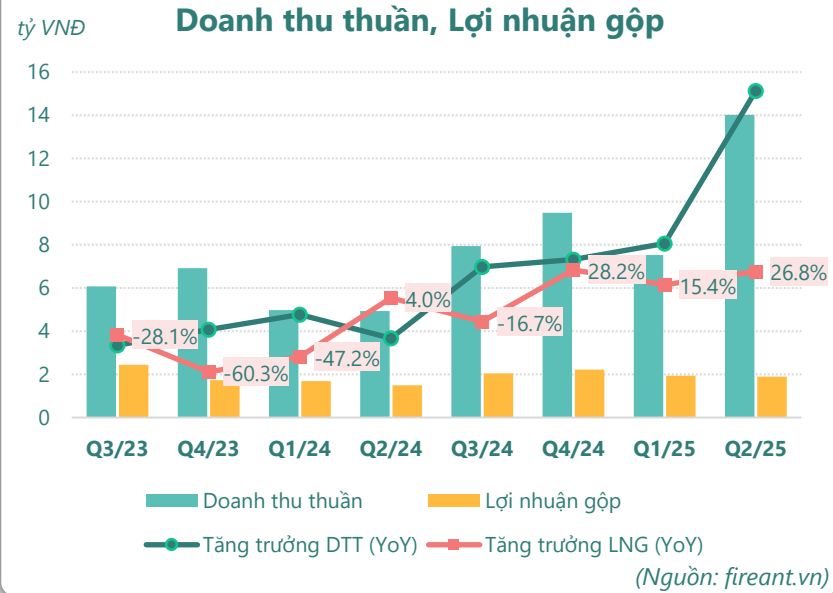
DT thuần 6T 2025
21.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.6 117%

LN thuần 6T 2025
1.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.16 187%

LN sau thuế 6T 2025
1.47
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.33 29.6%



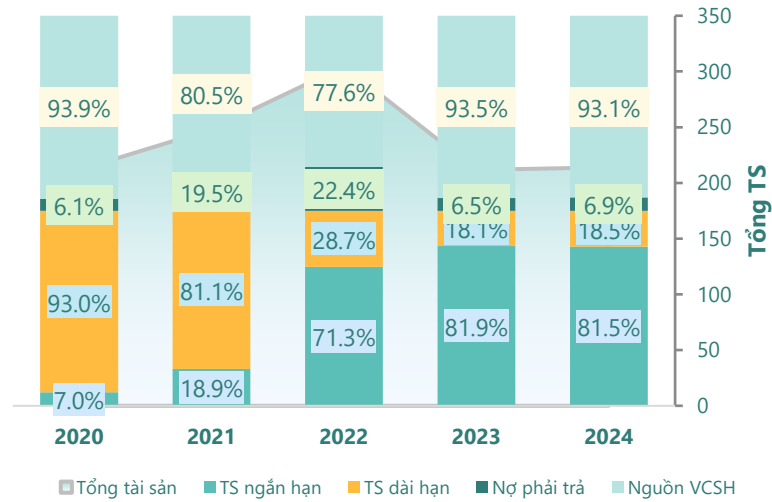
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

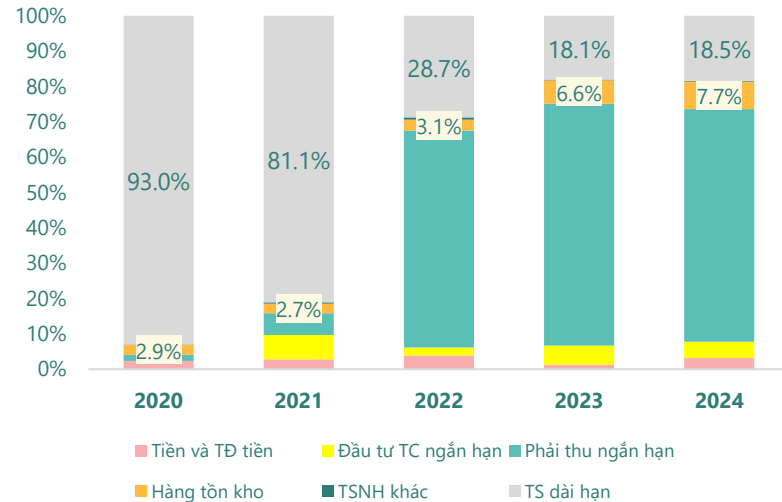
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

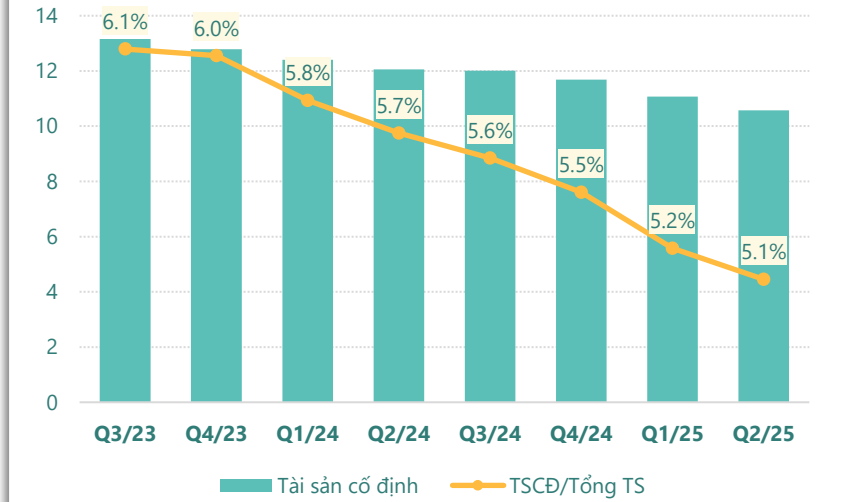
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

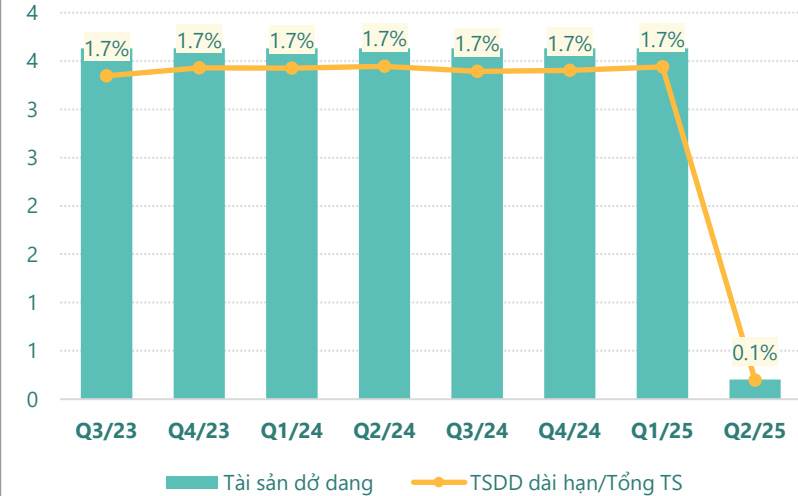
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

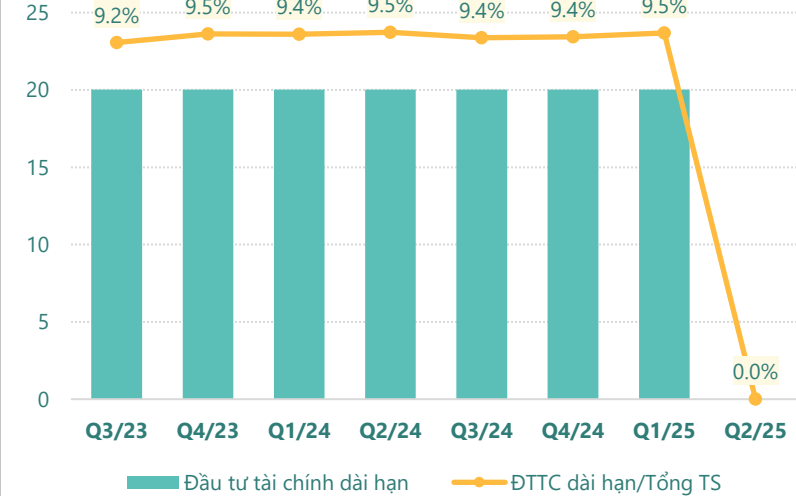
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

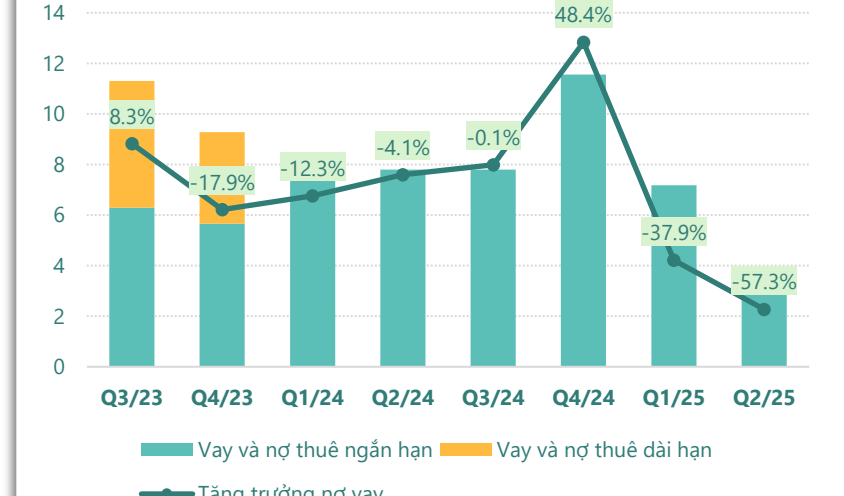
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

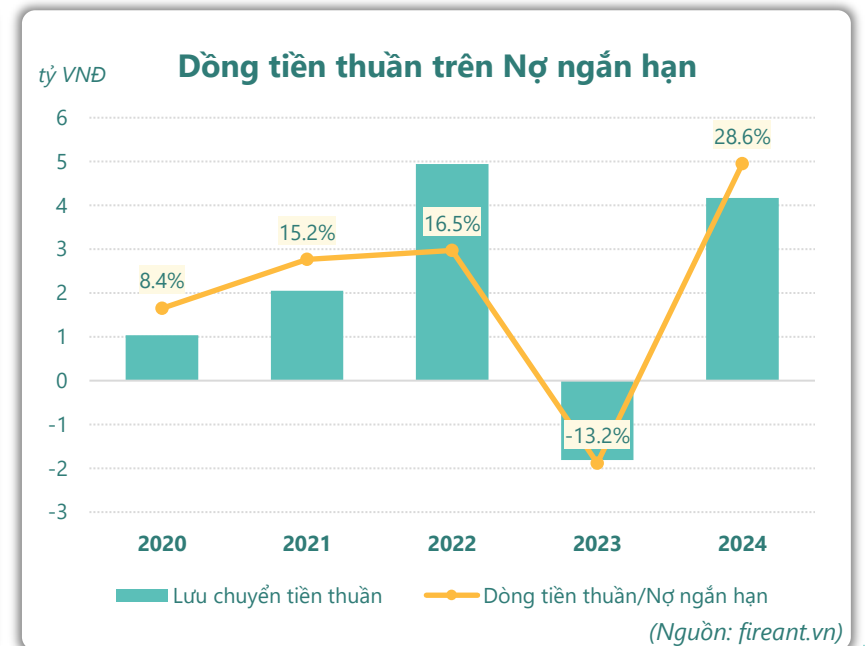
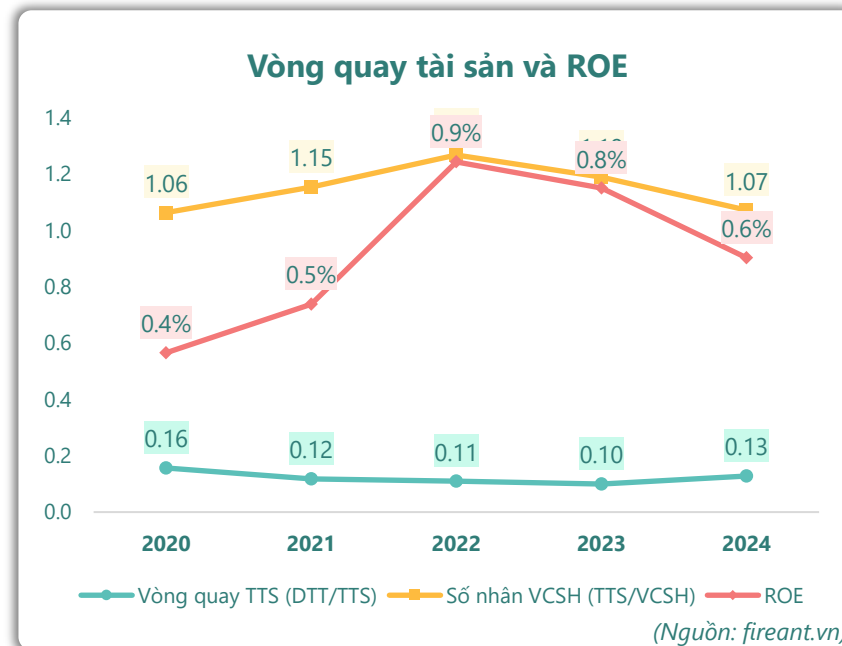
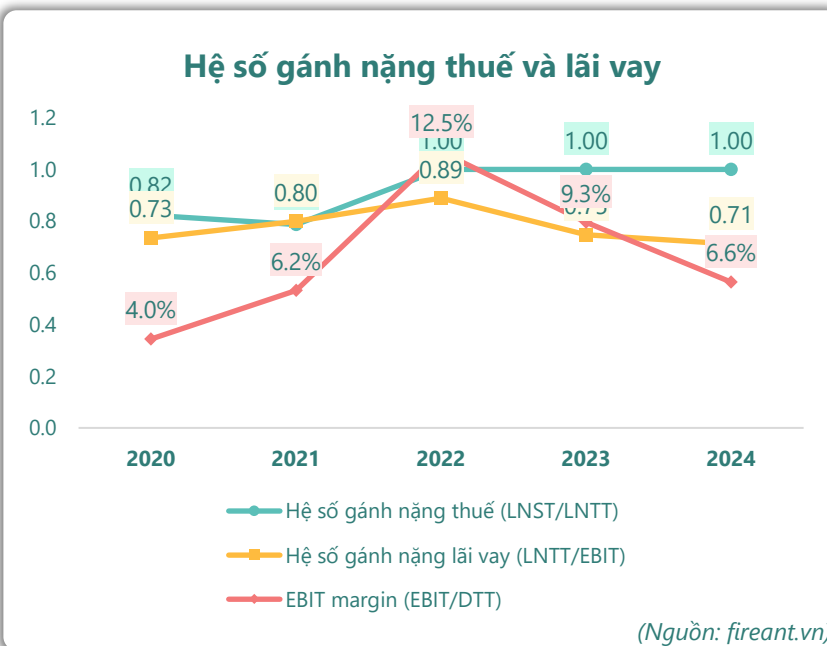
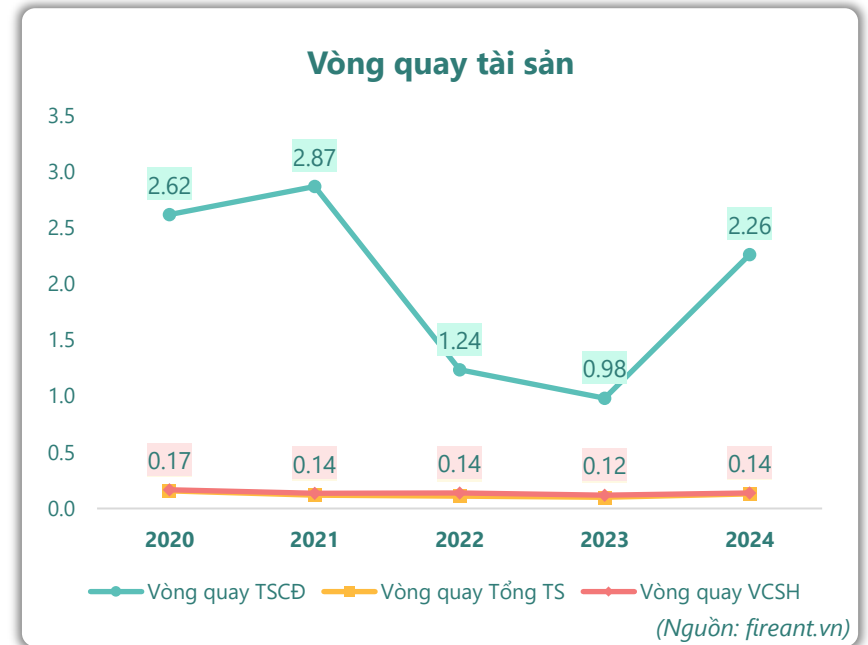
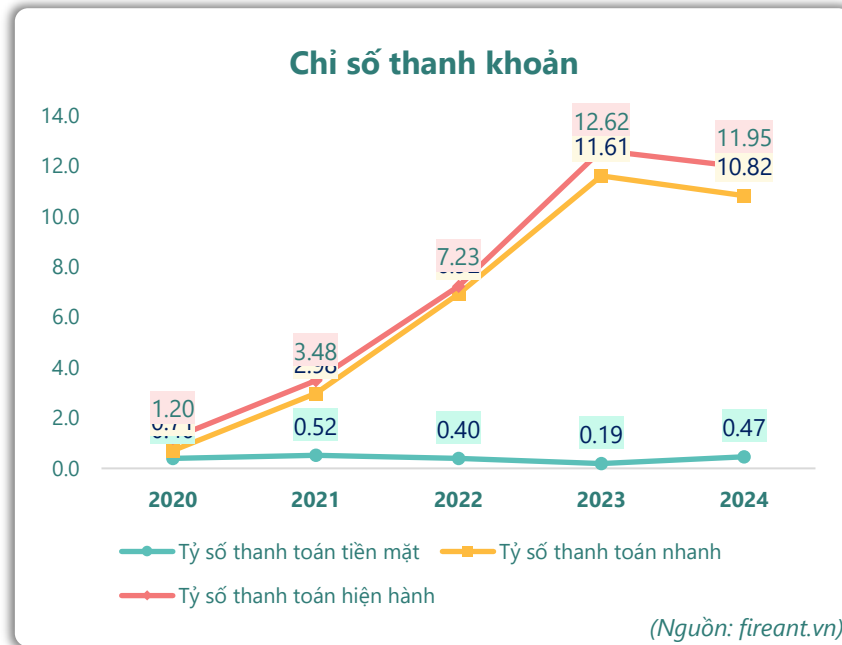
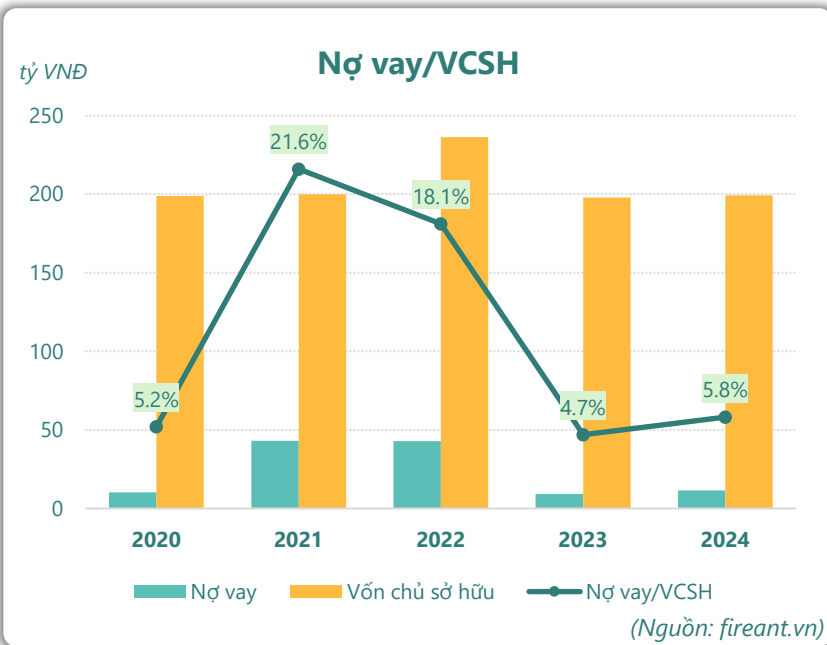
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	14.0	4.94	184%	21.5	9.92	117%
Giá vốn hàng bán	12.1	3.45	252%	17.7	6.75	163%
Lợi nhuận gộp	1.89	1.49	27.0%	3.83	3.17	20.8%
Doanh thu HĐTC	4.12	1.38	198%	4.38	2.33	88.1%
Chi phí TC	1.72	0.16	978%	1.75	0.04	3936%
Chi phí lãi vay	0.21	0.36	-41.7%	0.23	0.24	-4.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.26	1.02	23.4%	2.36	2.04	15.7%
Chi phí QLDN	1.25	1.52	-17.7%	2.31	2.79	-17.3%
LN thuần từ HĐKD	1.77	0.18	886%	1.79	0.63	187%
Lợi nhuận khác	0.02	0.49	-95.1%	0.04	0.51	-92.1%
LN trước thuế	1.80	0.66	173%	1.83	1.14	61.5%
Lợi nhuận sau thuế	1.44	0.66	118%	1.47	1.14	29.6%
LNST của CĐ cty mẹ	1.44	0.66	118%	1.47	1.14	29.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.74	-1.16	0	-0.17	3.06	16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.92	0.30	0	0.14	0.06	-16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.05	-0.44	0	3.77	-4.38	-4.11
Tiền đầu kỳ	2.62	4.39	0	2.83	6.79	5.53
Lưu chuyển tiền thuần	1.77	-1.31	0	3.73	-1.26	-3.56
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.39	3.08	0	6.56	5.53	1.96

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	207	214	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	196	174	12.3%
Tiền và tương đương tiền	1.96	6.79	-71.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	9.83	-100%
Phải thu ngắn hạn	184	141	30.8%
Hàng tồn kho	9.66	16.5	-41.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.36	-86.5%
Tài sản dài hạn	11.0	39.5	-72.2%
Phải thu dài hạn	0	3.65	-100%
Tài sản cố định	10.6	11.4	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	3.63	-94.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	20.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	0.23	0.80	-71.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.19	14.7	-57.8%
Nợ ngắn hạn	6.12	14.6	-58.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.07	11.6	-73.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.35	1.44	-75.3%
Nợ dài hạn	0.07	0.09	-23.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	201	199	0.7%
Vốn chủ sở hữu	201	199	0.7%
Vốn điều lệ	195	195	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

